PHÁT TRIỂN DẠY VÀ HỌC TỪ VỰNG TIẾNG ANH THÔNG QUA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC KHÔNG CHUYÊN

Hoàng Thị Hạnh
Trường Đại học Hạ Long

Tóm tắt: *Từ vựng là nền tảng cốt lõi của năng lực ngôn ngữ, nhưng việc tiếp thu và duy trì vốn từ vựng luôn là rào cản lớn đối với sinh viên đại học hệ không chuyên tại Việt Nam. Sự ra đời của Trí tuệ nhân tạo (AI) đã mở ra những hướng đi mang tính đột phá trong việc tối ưu hóa quá trình này. Bài báo tập trung nghiên cứu thực trạng học từ vựng của sinh viên không chuyên, phân tích cơ sở lý luận của việc ứng dụng AI (như thuật toán lặp lại ngắt quãng, AI tạo sinh, học tập cá nhân hóa) và đề xuất khung giải pháp phát triển toàn diện hoạt động dạy - học từ vựng thông qua AI. Kết quả thực nghiệm cho thấy phương pháp này không chỉ nâng cao số lượng từ vựng thụ đắc mà còn cải thiện khả năng sử dụng từ ngữ trong bối cảnh thực tế của người học.*

Từ khóa: *Trí tuệ nhân tạo (AI), từ vựng tiếng Anh, sinh viên đại học, hệ không chuyên, cá nhân hóa học tập.*

ENHANCING ENGLISH VOCABULARY TEACHING AND LEARNING THROUGH ARTIFICIAL INTELLIGENCE (AI) FOR NON-MAJORS

Abstract: *Vocabulary serves as the core foundation of language proficiency; however, vocabulary acquisition and retention remain significant challenges for non-English major university students in Vietnam. The advent of Artificial Intelligence (AI) has opened up groundbreaking avenues for optimizing this process. This paper examines the current state of vocabulary learning among non-English majors, analyzes the theoretical underpinnings of AI applications (such as spaced repetition algorithms, generative AI, and personalized learning), and proposes a comprehensive framework for enhancing vocabulary teaching and learning through AI. Empirical results indicate that this approach not only increases the volume of acquired vocabulary but also improves learners' ability to use words effectively in real-world contexts.*

Keywords: *Artificial Intelligence (AI), English vocabulary, university students, non-English majors, personalized learning.*

Nhận bài: 10/05/2026 Phản biện: 10/06/2026 Duyệt đăng: 14/06/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đối với bất kỳ ngôn ngữ nào, từ vựng (Vocabulary) đóng vai trò như những "viên gạch" xây dựng nên toàn bộ hệ thống giao tiếp. Nhà ngôn ngữ học David Wilkins từng khẳng định một nguyên lý kinh điển: *"Không có ngữ pháp, rất ít thông tin có thể được truyền tải; nhưng không có từ vựng, không một thông tin nào có thể được truyền tải"* (Without grammar very little can be conveyed, without vocabulary nothing can be conveyed). Đối với sinh viên (SV) đại học hệ không chuyên (khối ngành Du lịch, Kinh tế, Kỹ thuật, Công nghệ, Luật, Y dược...), từ vựng không chỉ dừng lại ở các từ ngữ giao tiếp thông thường (General English) mà còn mở rộng ra hệ thống thuật ngữ chuyên ngành (English for Specific Purposes - ESP) – chìa khóa để các em đọc hiểu tài liệu, nghiên cứu và làm việc trong môi trường toàn cầu.

Tuy nhiên, thực tế giảng dạy tiếng Anh không chuyên tại các trường đại học hiện nay đang chứng kiến một "nghịch lý từ vựng": Sinh viên học nhiều nhưng quên nhanh: Phương pháp học từ vựng truyền thống (chép từ, học thuộc lòng danh sách từ cố định, học để đối phó với bài thi) khiến từ vựng chỉ tồn tại ở trí nhớ ngắn hạn.

Sự chênh lệch lớn về trình độ đầu vào: Trong một lớp học không chuyên, có SV đã đạt mức độ độc lập (B1) nhưng cũng có nhiều SV mất gốc (A1, A2). Việc giảng viên áp dụng một danh sách từ vựng chung (One-size-fits-all) cho cả lớp dẫn đến tình trạng "người giỏi thì chán, người yếu theo không kịp".

Thiếu bối cảnh ứng dụng thực tế: SV thường chỉ học nghĩa bề mặt của từ (nghĩa đen tiếng Việt) mà không hiểu được cách kết hợp từ (Collocations), ngữ cảnh sử dụng (Contextual usage) hay sắc thái biểu cảm của từ.

Bước sang kỷ nguyên số, đặc biệt là sự bùng nổ của các mô hình ngôn ngữ lớn (LLMs) và AI tạo sinh (Generative AI) như ChatGPT, Claude, Gemini cùng các hệ thống học tập thích ứng (Adaptive Learning), phương pháp dạy và học ngoại ngữ đã dịch chuyển mạnh mẽ. AI sở hữu khả năng phân tích dữ liệu lớn, xử lý ngôn ngữ tự nhiên vượt trội và khả năng cá nhân hóa tối đa. Việc ứng dụng AI để phát triển hoạt động dạy và học từ vựng tiếng Anh cho SV không chuyên không chỉ là một giải pháp tình thế, mà là xu hướng tất yếu nhằm đổi mới căn bản phương thức giáo dục đại học.

II. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận và các công nghệ AI hỗ trợ học tập từ vựng

Một là, giả thuyết đầu vào (Input Hypothesis) và trí nhớ dài hạn

Theo Stephen Krashen (1985), người học thụ đắc ngôn ngữ tốt nhất khi nhận được "đầu vào hiểu được" (Comprehensible Input) ở mức i+1(trong đó ilà trình độ hiện tại và +1là kiến thức mới thách thức hơn một chút). AI có khả năng kiểm tra trình độ hiện tại của SV một cách chính xác và liên tục cung cấp các ngữ cảnh chứa từ vựng mới ở đúng mức i+1này, tránh gây nản chí.

Đồng thời, quá trình chuyển đổi từ vựng từ trí nhớ ngắn hạn (Short-term memory) sang trí nhớ dài hạn (Long-term memory) đòi hỏi hiện tượng "Lặp lại ngắt quãng" (Spaced Repetition). Các thuật toán AI (như thuật toán SuperMemo hay Anki) dựa trên đường cong lãng quên của Hermann Ebbinghaus để tính toán chính xác thời điểm từ vựng chuẩn bị bị quên và nhắc nhở người học ôn tập lại đúng lúc.

Hai là, khái niệm từ vựng chủ động (Active) và từ vựng thụ động (Passive)

Nhiều SV có vốn từ vựng thụ động rất lớn (nhìn từ thì biết nghĩa) nhưng vốn từ vựng chủ động (có thể tự gọi ra khi viết hoặc nói) lại rất nghèo nàn. AI hỗ trợ đắc lực trong việc chuyển hóa từ vựng từ thể thụ động sang chủ động bằng cách ép buộc người học phải đặt câu, giải thích từ bằng tiếng Anh hoặc tham gia các trò chơi tư duy dựa trên ngữ cảnh.

Ba là, các công nghệ AI cốt lõi trong quản lý và phát triển từ vựng

Công nghệ AI	Cơ chế hoạt động	Ứng dụng trong học từ vựng
Adaptive Learning Algorithms (Thuật toán học tập thích ứng)	Tự động điều chỉnh độ khó và tần suất xuất hiện của từ dựa trên lịch sử trả lời của người học.	Tối ưu hóa lộ trình học từ vựng của từng SV, từ nào sai nhiều sẽ xuất hiện lại liên tục.
Generative AI & NLP (AI tạo sinh và xử lý ngôn ngữ tự nhiên)	Tạo lập văn bản, hội thoại, đặt câu mới dựa trên các từ vựng mục tiêu theo bất kỳ chủ đề nào yêu cầu.	Tạo ra các câu ví dụ độc nhất, viết truyện ngắn chứa từ vựng cần học theo sở thích của SV.
Optical Character Recognition (OCR) & AI Dictionaries	Nhận diện hình ảnh văn bản và phân tích cú pháp tức thì.	Tra từ vựng trực tiếp khi đọc tài liệu giấy/số, tự động phân tích phân loại từ (Noun, Verb) và đưa ra cụm từ cố định (Collocations).

2.2. Thực trạng học từ vựng tiếng Anh của SV các trường Đại học không chuyên ngoại ngữ

Nhìn chung, hoạt động học tập và tích lũy vốn từ vựng tiếng Anh của sinh viên không chuyên tại đại học Hạ Long hiện nay đang tồn tại cả những điểm sáng tích cực lẫn những hạn chế.

Về mặt tích cực: Phần lớn sinh viên đều ý thức được từ vựng là "gạch nền" cốt lõi để phát triển các kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết. Dưới áp lực của chuẩn đầu ra ngoại ngữ tại đại học Hạ Long và yêu cầu từ thị trường lao động, nhiều sinh viên đã chủ động tìm kiếm các phương pháp học từ vựng mới để phục vụ cho các kỳ thi chứng chỉ quốc tế (TOEIC, IELTS).

Về mặt tiêu cực:

Thứ nhất, thói quen học từ vựng rời rạc, thiếu ngữ cảnh

Đa số SV được hỏi cho biết phương pháp học từ vựng chính của họ là viết đi viết lại từ đó ra vở kèm nghĩa tiếng Việt (Rote learning). SV thường học từ vựng theo dạng các danh sách từ đơn lẻ (Vocabulary lists) được cung cấp sẵn trước kỳ thi, thay vì học từ trong văn bản hoặc qua các câu chuyện.

Thứ hai, hiện tượng "Học trước quên sau" do thiếu ôn tập khoa học

Khi được hỏi về tần suất ôn tập từ vựng cũ: SV không có thói quen ôn lại từ vựng định kỳ sau 1 ngày, 1 tuần, 1 tháng. Sinh viên chỉ xem lại từ vựng khi có bài kiểm tra hoặc bài thi học kỳ. Điều này dẫn đến việc từ vựng hoàn toàn biến mất khỏi trí nhớ chỉ sau vài tuần kết thúc môn học.

Thứ ba, hạn chế về năng lực sử dụng từ vựng chuyên ngành (ESP)

SV hệ không chuyên cảm thấy "bị ngợp" trước các thuật ngữ chuyên ngành khi bắt đầu tiếp cận các môn học cơ sở ngành bằng tiếng Anh. Họ gặp khó khăn trong việc phân biệt nghĩa của một từ trong đời sống hàng ngày và trong chuyên ngành (Ví dụ: từ "Interest" trong tiếng Anh giao tiếp là

"sự thích thú", nhưng trong chuyên ngành Kinh tế lại mang nghĩa là "lãi suất").

2.3. Giải pháp phát triển dạy và học từ vựng tiếng Anh thông qua AI

Để giải quyết triệt để các tồn tại trên, nghiên cứu đề xuất một mô hình toàn diện bao gồm giải pháp dành cho người dạy (giảng viên) và giải pháp dành cho người học (sinh viên) dựa trên sự hỗ trợ của hệ sinh thái AI.

* Mô hình cho giảng viên: Thiết kế tài liệu học tập bằng AI -> Cá nhân hóa bài tập theo trình

độ -> Kiểm tra đánh giá tự động.

* Mô hình cho sinh viên: Học tập cá nhân hóa (Quizlet, Memrise) -> Chiếm lĩnh từ vựng qua Generative AI -> Ứng dụng thuật toán lặp lại ngắt quãng.

Một là, đối với giảng viên

Cần đổi mới phương pháp dạy từ vựng bằng AI: Giảng viên không còn đóng vai trò là "cuốn từ điển sống" duy nhất trên lớp, mà chuyển thành người định hướng, thiết kế môi trường học tập thông minh.

Thứ nhất, thiết kế tài liệu học tập từ vựng đa ngữ cảnh thông qua Generative AI (ChatGPT/ Claude). Giảng viên có thể sử dụng các hệ thống Generative AI để biên soạn ngữ cảnh học tập phong phú, phù hợp với ngành học của SV.

Ví dụ về Prompt dành cho giảng viên Công nghệ thông tin: "Tôi cần dạy nhóm từ vựng: 'algorithm, database, encryption, optimize, scalability' cho sinh viên năm 2 ngành công nghệ thông tin. Hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 150 từ chủ đề Công nghệ, sử dụng toàn bộ các từ trên. Sau đó, tạo ra 5 câu hỏi trắc nghiệm ngữ cảnh (context-clue) để kiểm tra mức độ hiểu nghĩa của từ."

Hiệu quả: Thay vì những câu ví dụ nhàm chán trong sách giáo khoa cũ, giảng viên có thể cập nhật các bài đọc mang tính thời sự công nghệ của năm 2026 một cách tức thì.

Thứ hai, phân hóa bài tập về nhà dựa trên AI

Giảng viên có thể sử dụng các nền tảng như Diffit AI hoặc ClassPoint AI để tự động biến đổi một bài đọc cốt lõi thành nhiều phiên bản có độ khó từ vựng khác nhau (từ cơ bản đến nâng cao). SV yếu sẽ nhận được văn bản có từ vựng đơn giản kèm giải nghĩa, SV khá giỏi sẽ nhận được văn bản có nhiều từ đồng nghĩa (Synonyms) phức tạp hơn.

Hai là, đối với sinh viên - Quy trình tự học và chiếm lĩnh từ vựng cá nhân hóa

SV chủ động làm chủ quy trình học từ vựng theo 3 bước được tối ưu hóa bởi AI:

Bước 1: Thu thập và Quản lý từ vựng thông qua Smart Flashcards (AI-powered): SV không ghi chép từ vựng thủ công nữa. Thay vào đó, các em sử dụng các ứng dụng tích hợp AI như Anki, Quizlet (tích hợp AI Q-Chat), hoặc Memrise.

Khi SV nhập một từ mới (ví dụ: Sustainable), *AI của ứng dụng sẽ tự động điền*: Phiên âm chuẩn, định nghĩa tiếng Anh, các câu ví dụ thực tế và hình ảnh minh họa phù hợp bằng AI.

Ứng dụng thuật toán Spaced Repetition: Hệ thống dựa vào dữ liệu tương tác của SV để xếp lịch ôn tập. Từ nào SV nhớ tốt sẽ được lùi lịch kiểm tra sau 7 ngày, từ nào quên sẽ xuất hiện lại sau 5 phút.

Bước 2: Chuyển hóa từ vựng thụ động sang chủ động bằng "Tương tác chiều sâu" với AI: Để biến một từ vừa học thành từ vựng có thể dùng được, SV áp dụng phương pháp tương tác sâu với các chatbot AI thông qua chuỗi hành động (Prompt Chaining):

Yêu cầu tạo câu chuyện cá nhân hóa: SV yêu cầu AI viết một mẩu chuyện vui nhộn hoặc một tình huống liên quan đến sở thích cá nhân (ví dụ: bóng đá, K-pop) có chứa 5 từ mới vừa học.

Thực hành đặt câu và sửa lỗi: SV tự đặt câu với từ mới và gửi cho AI. AI (như ChatGPT hoặc Grammarly AI) sẽ không chỉ báo đúng/sai, mà sẽ phân tích sâu: "Câu của bạn đúng ngữ pháp, nhưng trong văn phong trang trọng, người bản xứ sẽ dùng cụm từ (Collocation) là [A] thay vì [B] mà bạn vừa viết".

Bước 3: Đọc hiểu và mở rộng từ vựng tự động (Contextual Learning)

Khi đọc các bài báo, tài liệu chuyên ngành trên trình duyệt, SV sử dụng các Extension tích hợp AI (như Monica, Glasp hoặc Elmo).Khi bôi đen một từ hoặc một cụm từ khó, AI không chỉ dịch nghĩa mà sẽ phân tích ngay lập tức vị trí của từ đó trong câu, các từ thường đi kèm, và đưa ra các từ đồng nghĩa/trái nghĩa thích hợp trong ngữ cảnh đó.

2.4. Các thách thức khi ứng dụng AI

Mặc dù mang lại những số liệu thực nghiệm hết sức khả quan, việc đưa AI vào quy trình dạy và học từ vựng đại trà cho SV không chuyên vẫn đối mặt với ba thách thức lớn đó là:

Thứ nhất, hội chứng "lười tư duy" và hiện tượng phụ thuộc vào công nghệ

Khi AI có thể giải nghĩa từ, đặt câu mẫu và dịch toàn bộ đoạn văn trong vòng 2 giây, một bộ phận SV nảy sinh tâm lý ỷ lại. Các em lạm dụng AI để làm hộ bài tập về nhà thay vì dùng AI làm công cụ để học. Điều này dẫn đến một hiện tượng nguy hiểm SV có vẻ hoàn thành bài tập rất tốt nhưng kiến thức thực tế đọng lại trong đầu lại bằng không.

Thứ hai, thách thức về "Năng lực số" (Digital Literacy) của người dạy và người học

Không phải SV nào cũng biết cách viết các câu lệnh (Prompts) đủ tốt để khai thác tối đa sức mạnh của AI. Tương tự, một bộ phận giảng viên lớn tuổi cũng gặp rào cản tâm lý khi phải làm quen với các công nghệ AI mới thay đổi theo từng tháng, dẫn đến việc ứng dụng chỉ mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu sư phạm.

Thứ ba, vấn đề bản quyền và chất lượng dữ liệu AI

Nhiều ứng dụng AI miễn phí chứa các dữ liệu từ vựng do người dùng tự đóng góp không qua kiểm duyệt, dẫn đến việc giải nghĩa sai hoặc phát âm không chuẩn. Việc tiếp cận các phiên bản AI cao cấp, chuẩn xác hơn lại đòi hỏi chi phí bản quyền, tạo ra khoảng cách tiếp cận công nghệ giữa các nhóm SV có điều kiện kinh tế khác nhau.

2.5. Khuyến nghị

Để phát triển toàn diện và bền vững việc dạy - học từ vựng tiếng Anh qua AI cho SV không chuyên, cần có chiến lược đồng bộ ở ba cấp độ:

**** Về phía Nhà trường***

Xây dựng khung năng lực số: Tổ chức các buổi tập huấn chuyên đề về "Ứng dụng AI trong giáo dục ngoại ngữ" cho đội ngũ giảng viên.

Tích hợp học liệu số: Khuyến khích các Khoa/Bộ môn Ngoại ngữ xây dựng kho dữ liệu từ vựng chuyên ngành được chuẩn hóa cấu trúc để nạp vào các hệ thống AI của Nhà trường, tạo môi trường học tập đồng bộ.

**** Về phía giảng viên***

Thay đổi tư duy kiểm tra đánh giá: Chuyển từ kiểm tra ghi nhớ từ vựng cơ học (Trắc nghiệm chọn nghĩa từ) sang đánh giá năng lực vận dụng từ vựng (yêu cầu SV dùng từ để viết mail, viết đoạn văn ngắn, thuyết trình trực tiếp trên lớp).

Hướng dẫn kỹ năng Prompting cho sinh viên: Giảng viên cần dành 1–2 tiết đầu học kỳ để dạy SV cách "ra lệnh" cho AI sao cho đúng, biến AI thành trợ lý học tập chứ không phải kẻ làm bài hộ.

**** Đối với sinh viên:*** Áp dụng nguyên tắc "AI-assisted, Not AI-driven". SV cần nhận thức rõ mình là chủ thể của quá trình học. Mọi câu chữ AI tạo ra chỉ mang tính tham khảo, bản thân người học phải chủ động ghi nhớ, suy ngẫm và thực hành đọc/nói lặp đi lặp lại.

III. KẾT LUẬN

Việc ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động dạy và học từ vựng tiếng Anh cho SV đại học hệ không chuyên đã chứng minh được hiệu quả vượt trội so với các phương pháp truyền thống. AI giải quyết được bài toán cá nhân hóa học tập ở quy mô lớn, giúp tối ưu hóa thời gian và quy trình ghi nhớ của SV thông qua các thuật toán thông minh và ngữ cảnh phong phú. Sự thành công của mô hình này không phụ thuộc hoàn toàn vào mức độ hiện đại của công nghệ, mà phụ thuộc vào cách thức giảng viên và SV định vị và làm chủ công nghệ đó trong môi trường sư phạm. Khi được sử dụng một cách có định hướng, có kỷ luật và sáng tạo, AI chắc chắn sẽ là bệ phóng vững chắc giúp SV không chuyên bứt phá về vốn từ vựng, từ đó làm chủ năng lực tiếng Anh, tự tin hội nhập và phát triển sự nghiệp trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Krashen, S. (1985). The Input Hypothesis: Issues and Implications. Torrance, CA: Laredo Publishing Company.

Wilkins, D. A. (1972). Linguistics in Language Teaching. London: Edward Arnold.

Nation, I. S. P. (2013). Learning Vocabulary in Another Language. Cambridge University Press.

Nguyễn, V. A. (2024). Ứng dụng công nghệ thích ứng (Adaptive Learning) trong việc nâng cao vốn từ vựng tiếng Anh cho sinh viên đại học. Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài, 40(2), 89-97.

Godwin-Jones, R. (2023). Parting the digital mists: Generative AI and world language education. Language Learning & Technology, 27(2), 1–22.